



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 12 - 42 |
| 8. Phụ lục | 43 - 46 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 15 ngày 15 tháng 5 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Trần Minh Thiệu | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Bùi Đức Dũng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Trần Thị My | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 |
| Ông Bùi Đức Cường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Đặng Ngọc Sơn – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMC.2024 ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 4.0249/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ**

Nguyễn Quốc Ngữ

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.077.118.064.119 | 1.968.620.836.503 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 8.275.654.471 | 11.439.826.243 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 8.275.654.471 | 11.439.826.243 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 9.880.000.000 | 14.920.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 9.880.000.000 | 14.920.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 877.371.888.089 | 656.302.588.753 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 340.259.663.112 | 446.794.371.196 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 500.528.070.892 | 194.946.883.599 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 36.678.710.085 | 14.655.889.958 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (94.556.000) | (94.556.000) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 1.152.513.043.835 | 1.261.766.367.441 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.203.786.060.527 | 1.322.755.430.196 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (51.273.016.692) | (60.989.062.755) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 29.077.477.724 | 24.192.054.066 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 866.291.773 | 1.827.360.696 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 25.426.846.520 | 19.551.384.342 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 2.784.339.431 | 2.813.309.028 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 835.578.369.376 | 777.294.673.002 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.030.000.000 | 1.030.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.030.000.000 | 1.030.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 485.966.968.551 | 454.497.851.723 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 333.319.670.850 | 377.982.870.290 |
| - Nguyên giá | 222 | | 653.085.617.820 | 673.267.764.285 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (319.765.946.970) | (295.284.893.995) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.10 | 112.330.017.333 | 34.625.009.211 |
| - Nguyên giá | 225 | | 124.168.839.202 | 36.134.842.545 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (11.838.821.869) | (1.509.833.334) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 40.317.280.368 | 41.889.972.222 |
| - Nguyên giá | 228 | | 64.688.899.986 | 64.688.899.986 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (24.371.619.618) | (22.798.927.764) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 280.119.594.490 | 250.280.561.316 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 280.119.594.490 | 250.280.561.316 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 18.461.806.335 | 21.486.259.963 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 18.461.806.335 | 21.486.259.963 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.912.696.433.495 | 2.745.915.509.505 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.836.179.604.028 | 1.735.051.239.197 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.649.632.072.595 | 1.588.996.171.662 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 289.106.372.215 | 201.822.771.322 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 10.472.868.070 | 122.741.267.916 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 10.685.905.525 | 6.808.504.361 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 12.350.954.306 | 16.093.603.686 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 18.376.519.384 | 1.152.523.306 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19a | 34.781.355.695 | 31.656.508.561 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 1.272.978.097.400 | 1.207.840.992.510 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 880.000.000 | 880.000.000 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 186.547.531.433 | 146.055.067.535 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 186.547.531.433 | 146.055.067.535 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.076.516.829.467 | 1.010.864.270.308 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.076.516.829.467 | 1.010.864.270.308 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.22a | 978.999.980.000 | 944.999.980.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 978.999.980.000 | 944.999.980.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.22a | (128.222.222) | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.22a | 85.903.789.680 | 54.161.778.957 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 54.161.778.957 | 54.161.778.957 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 31.742.010.723 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.22a | 11.741.282.009 | 11.702.511.351 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.912.696.433.495 | 2.745.915.509.505 |


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2024


Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.188.965.418.155 | 691.091.080.883 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 287.511.725 | 5.282.781.094 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.188.677.906.430 | 685.808.299.789 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 1.014.210.481.199 | 555.337.636.008 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 174.467.425.231 | 130.470.663.781 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 4.767.352.692 | 24.444.785.031 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 70.586.906.038 | 46.168.508.965 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 46.817.990.229 | 26.801.783.679 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 39.532.274.367 | 33.626.040.656 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 29.051.218.252 | 33.531.191.777 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 40.064.379.266 | 41.589.707.414 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 1.653.937.140 | 477.504.437 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 3.651.880.347 | 493.510.598 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (1.997.943.207) | (16.006.161) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 38.066.436.059 | 41.573.701.253 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 6.285.654.678 | 4.464.083.319 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | 166.126.624 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>31.780.781.381</u> | <u>36.943.491.310</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 31.742.010.723 | 36.888.806.525 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 38.770.658 | 54.684.785 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a | <u>333</u> | <u>586</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a | <u>333</u> | <u>586</u> |

Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2024


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng


Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 38.066.436.059 | 41.573.701.253 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10, V.11 | 37.365.844.033 | 28.888.433.388 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.7 | (9.716.046.063) | 800.124.969 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | 8.523.721.418 | 5.500.115.983 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4, VI.8, VI.9 | (34.896.812) | (330.421.246) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 46.817.990.229 | 26.801.783.679 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 121.023.048.864 | 103.233.738.026 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (245.515.218.544) | 309.448.217.223 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 118.969.369.669 | (541.636.519.676) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 127.971.092.030 | 114.641.294.257 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 3.985.522.551 | 2.320.196.433 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.18, VI.5 | (29.593.994.151) | (30.854.502.668) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (2.671.202.991) | (2.122.172.636) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 8.225.293.566 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 102.393.910.994 | (44.969.749.041) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.10, V.12, V.20b | (51.420.839.140) | (52.565.693.987) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.9, VI.9 | 609.090.909 | 1.768.181.820 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (3.600.000.000) | (3.600.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 8.640.000.000 | 10.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.4 | 229.573.794 | 673.013.698 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (45.542.174.437) | (43.724.498.469) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | V.22a | 33.871.777.778 | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20a | 1.763.071.837.483 | 1.507.125.861.657 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20a | (1.823.372.503.053) | (1.411.098.787.803) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.20a,b | (29.568.683.495) | (8.268.687.574) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(55.997.571.287)</i> | <i>87.758.386.280</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 854.165.270 | (935.861.230) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 11.439.826.243 | 5.836.426.850 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (4.018.337.042) | (261.738.102) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 8.275.654.471 | 4.638.827.518 |

Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2024


 Trần Quốc Phong
 Người lập


 Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ, Tập đoàn có xuất bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (xem thuyết minh số VI.1b) với tổng doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 419.119.509.112 VND và 365.712.165.352 VND, làm phát sinh khoản lãi 53.407.343.760 VND.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 79,21% (số đầu năm là 79,21%). Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.298 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.426 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

HI
NG
TO
A
TẠI
TÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phân chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Phí bảo lãnh vay vốn

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 44 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 54 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 14 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 – 05 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Máy móc và thiết bị

Số năm

05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 174.584.266 | 181.567.411 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 8.101.070.205 | 11.258.258.832 |
| Cộng | <u>8.275.654.471</u> | <u>11.439.826.243</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm (*) | 9.880.000.000 | 9.880.000.000 | 14.920.000.000 | 14.920.000.000 |
| Cộng | <u>9.880.000.000</u> | <u>9.880.000.000</u> | <u>14.920.000.000</u> | <u>14.920.000.000</u> |

11 NG TO A TAI RA

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Khoản tiền gửi này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Camimex Foods, chiếm tỷ lệ 16,67% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>128.815.334.227</i> | <i>250.620.044.758</i> |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 692.890.000 | 692.890.000 |
| Công ty Cổ phần Camimex Farm | 4.420.578.390 | 31.275.615.714 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | 123.427.316.229 | 218.321.539.044 |
| Công ty TNHH Thực phẩm Thủy sản Thái Minh Hưng | 4.549.608 | - |
| Ông Nguyễn Trọng Hà | 270.000.000 | 330.000.000 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>211.444.328.885</i> | <i>196.174.326.438</i> |
| Công ty TNHH Thương mại Phát triển Đại Nguyên | 13.774.272.400 | 43.057.220.000 |
| Công ty TNHH Hồ Nhó | - | 36.077.746.400 |
| Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Thủy hải sản Biển Vàng | 4.569.631.000 | 31.612.480.000 |
| Coop, Basel | 21.846.239.995 | 16.311.021.440 |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Long Thành Hưng | 28.106.547.378 | 6.006.049.240 |
| Công ty Cổ phần Trần Sơn | 72.898.997.816 | - |
| Các khách hàng khác | 70.248.640.296 | 63.109.809.358 |
| Cộng | <u>340.259.663.112</u> | <u>446.794.371.196</u> |

Một số công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối kỳ với số tiền 100.079.160.618 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | <i>10.947.305.928</i> | <i>10.328.517.928</i> |
| Ông Bùi Đức Cường | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | 8.447.305.928 | 7.828.517.928 |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | <i>489.580.764.964</i> | <i>184.618.365.671</i> |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang | 60.861.791.638 | 81.797.311.638 |
| Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom | 24.419.084.951 | 48.261.627.951 |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú (công | 181.800.759.544 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| ty không còn là bên liên quan trong kỳ) | | |
| Công ty TNHH MTV Thủy sản Minh Đức | 197.283.489.530 | 2.356.137.775 |
| Các nhà cung cấp khác | 25.215.639.301 | 52.203.288.307 |
| Cộng | 500.528.070.892 | 194.946.883.599 |

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 1.783.161.769 | - | 1.880.996.642 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu tiền kinh phí công đoàn | 1.783.161.769 | - | 1.783.161.769 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải - Phải thu khác | - | - | 97.834.873 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 34.895.548.316 | - | 12.774.893.316 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 311.342.365 | - | 334.268.494 | - |
| Tạm ứng | 4.035.287.589 | - | 3.976.768.357 | - |
| Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 21.608.501.258 | - | 5.916.791.736 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 8.940.417.104 | - | 2.547.064.729 | - |
| Cộng | 36.678.710.085 | - | 14.655.889.958 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | <u>Giá trị có</u> | | <u>Giá trị có</u> | |
| | <u>Giá gốc</u> | <u>thể thu hồi</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>thể thu hồi</u> |
| Công ty TNHH MTV BCA HCKT Thăng Long - Trả trước cho người bán | 135.080.000 | 40.524.000 | 135.080.000 | 40.524.000 |
| Cộng | 135.080.000 | 40.524.000 | 135.080.000 | 40.524.000 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|------------|--|--------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 94.556.000 | 917.696.500 |
| Số cuối kỳ | 94.556.000 | 917.696.500 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 10.420.772.322 | - | 8.800.173.629 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.285.151.017 | - | 1.455.915.065 | - |
| Thành phẩm | 1.192.080.137.188 | (51.273.016.692) | 1.312.499.341.502 | (60.989.062.755) |
| Cộng | 1.203.786.060.527 | (51.273.016.692) | 1.322.755.430.196 | (60.989.062.755) |

Một số thành phẩm tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 596.100.000.000 VND (số đầu năm là 596.100.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 60.989.062.755 | 41.215.674.588 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 800.124.969 |
| Hoàn nhập dự phòng | (9.716.046.063) | - |
| Số cuối kỳ | 51.273.016.692 | 42.015.799.557 |

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 411.054.634 | 919.577.295 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 302.912.222 | 907.783.401 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 152.324.917 | - |
| Cộng | 866.291.773 | 1.827.360.696 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 1.162.432.057 | 1.614.092.625 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 3.680.992.037 | 5.639.046.044 |
| Phí bảo lãnh vay vốn | 96.218.063 | 156.659.729 |
| Chi phí thuê đất (*) | 12.989.846.818 | 13.327.245.436 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 532.317.360 | 749.216.129 |
| Cộng | 18.461.806.335 | 21.486.259.963 |

(*) Trong đó, chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.989.846.818 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 182.348.214.727 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

| | <u>Máy móc và thiết bị</u> |
|-------------------------|----------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 36.134.842.545 |
| Thuê tài chính trong kỳ | 88.033.996.657 |
| Số cuối kỳ | <u>124.168.839.202</u> |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 1.509.833.334 |
| Khấu hao trong kỳ | 10.328.988.535 |
| Số cuối kỳ | <u>11.838.821.869</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 34.625.009.211 |
| Số cuối kỳ | <u>112.330.017.333</u> |

11. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|--|------------------------------|--------------------------------------|---|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 1.000.000.000 | 62.907.674.178 | 781.225.808 | 64.688.899.986 |
| Số cuối kỳ | <u>1.000.000.000</u> | <u>62.907.674.178</u> | <u>781.225.808</u> | <u>64.688.899.986</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 781.225.808 | 781.225.808 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | 22.017.701.956 | 781.225.808 | 22.798.927.764 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 1.572.691.854 | - | 1.572.691.854 |
| Số cuối kỳ | <u>-</u> | <u>23.590.393.810</u> | <u>781.225.808</u> | <u>24.371.619.618</u> |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 1.000.000.000 | 40.889.972.222 | - | 41.889.972.222 |
| Số cuối kỳ | <u>1.000.000.000</u> | <u>39.317.280.368</u> | <u>-</u> | <u>40.317.280.368</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Số cuối năm |
|---|------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 218.070.647.452 | 5.600.537.177 | - | 223.671.184.629 |
| - Nhà máy Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre (*) | 175.000.000.000 | 5.600.537.177 | - | 180.600.537.177 |
| - Các tài sản khác | 43.070.647.452 | - | - | 43.070.647.452 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 32.209.913.864 | 34.598.539.199 | (10.360.043.202) | 56.448.409.861 |
| - Công trình xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản - Xí nghiệp 1 | 16.951.116.364 | 33.376.811.721 | (10.360.043.202) | 39.967.884.883 |
| - Các công trình khác | 15.258.797.500 | 1.221.727.478 | - | 16.480.524.978 |
| Cộng | 250.280.561.316 | 40.199.076.376 | (10.360.043.202) | 280.119.594.490 |

(*) Công ty đã thế chấp, chi phí mua sắm tài sản cố định với giá trị theo sổ sách cuối kỳ là 180.600.537.177 VND (số đầu năm là 175.000.000.000 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.20b).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 5.600.537.177 VND (cùng kỳ năm trước là 0 VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí lãi vay với số tiền tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 16.448.364.490 VND (số đầu năm là 6.196.701.245 VND).

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>33.841.477.304</i> | <i>42.016.917.467</i> |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 19.124.143.231 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | 5.213.309.161 | 5.213.309.161 |
| Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish | 3.409.060.379 | - |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | 3.030.046.533 | 2.139.517.802 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn | 3.064.918.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ) | - | 34.664.090.504 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 255.264.894.911 | 159.805.853.855 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh | 44.133.575.516 | 67.771.737.139 |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | 71.683.197.536 | - |
| Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina - Chi nhánh Hà Nội | - | 24.999.991.719 |
| Các nhà cung cấp khác | 139.448.121.859 | 67.034.124.997 |
| Cộng | 289.106.372.215 | 201.822.771.322 |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|------------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | - | 115.786.263.871 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | - | 115.786.263.871 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 10.472.868.070 | 6.955.004.045 |
| LLC "Retail Service" | 3.164.157.991 | 1.512.102.048 |
| Unomundo Foods., Ltd | 1.887.875.520 | - |
| Valio Cibus GMBH | 1.271.022.126 | - |
| LinksUp Co., Ltd | - | 2.946.383.565 |
| Các khách hàng khác | 4.149.812.433 | 2.496.518.432 |
| Cộng | 10.472.868.070 | 122.741.267.916 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|--------------------------|
| - Hàng thủy sản xuất khẩu | 0% |
| - Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại | Không kê khai, tính thuế |
| - Sản xuất giống thủy sản | Không chịu thuế |
| - Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản | 5% |
| - Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản | 10% |
| - Các dịch vụ khác | 10% |

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty TNHH Camimex Organic

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của các công ty trong Tập đoàn như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Camimex | 6.157.317.075 | 4.349.309.557 |
| Công ty TNHH Camimex Organic | 128.337.603 | 114.773.762 |
| Cộng | 6.285.654.678 | 4.464.083.319 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 đ/m³ đối với nước dưới lòng đất và 40.000 đ/m³ đối với nước trên mặt.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 6 năm 2024 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i> | 17.145.325.046 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Chi phí lãi vay phải trả | 17.145.325.046 | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.231.194.338 | 1.152.523.306 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 1.231.194.338 | 1.152.523.306 |
| Cộng | 18.376.519.384 | 1.152.523.306 |

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 487.101.685 | 646.189.008 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods - Tiền ủy thác xuất khẩu | - | 159.087.323 |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn - Cổ tức phải trả | 200.368.069 | 200.368.069 |
| Ông Bùi Đức Dũng - Cổ tức phải trả | 3.251.409 | 3.251.409 |
| Ông Bùi Đức Cường - Cổ tức phải trả | 32.514.088 | 32.514.088 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn - Cổ tức phải trả | 30.481.958 | 30.481.958 |
| Bà Vũ Thị Bích Ngọc - Cổ tức phải trả | 220.486.161 | 220.486.161 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 34.294.254.010 | 31.010.319.553 |
| Kinh phí công đoàn | 7.701.821.801 | 6.927.371.824 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 11.589.679.576 | 3.036.896.843 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 980.000.000 | 980.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 2.497.081.977 | 2.497.081.977 |
| Coop Basel - Tiền mượn | 8.288.420.527 | 8.288.420.527 |
| Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng | - | 6.698.967.994 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 3.237.250.129 | 2.581.580.388 |
| Cộng | 34.781.355.695 | 31.656.508.561 |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | 444.650.000.000 | 169.312.198.400 |
| Vay Ông Huỳnh Văn Tấn ^(ix) | 600.000.000 | 520.000.000 |
| Vay Ông Bùi Đức Dũng ^(ix) | 2.200.000.000 | 2.000.000.000 |
| Vay Bà Vũ Thị Bích Ngọc ^(ix) | 8.750.000.000 | 22.300.000.000 |
| Vay Bà Bùi Vũ Diệu Anh ^(ix) | 4.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Vay Ông Nguyễn Trọng Hà ^(ix) | 3.000.000.000 | - |
| Vay Công ty Cổ phần Camimex Group ^(ix) | 226.100.000.000 | 131.092.198.400 |
| Vay Công ty Cổ phần Camimex Farm ^(ix) | 200.000.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ) | - | 10.400.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 828.328.097.400 | 1.038.528.794.110 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 645.542.389.366 | 837.580.975.931 |
| - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 74.846.219.260 | 79.310.257.542 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 12.378.375.542 | 15.483.117.121 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 172.415.182.654 | 167.841.480.768 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(iv) | 179.900.515.200 | 166.753.890.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(v) | 111.507.798.749 | 99.047.147.500 |
| - Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(vi) | 19.694.297.961 | 34.167.928.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ (năm trước là Phòng giao dịch Chương Dương) ^(vii) | 39.800.000.000 | 39.802.950.000 |
| - Vay Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(viii) | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau | - | 200.174.205.000 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác ^(ix) | 10.400.000.000 | - |
| - Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | 10.400.000.000 | - |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 132.361.000.000 | 186.958.754.975 |
| - Vay Ông Tạ Thanh Phú ^(ix) | 94.200.000.000 | 76.146.000.000 |
| - Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(ix) | 38.161.000.000 | 110.812.754.975 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 9.061.033.834 | 324.996.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 30.963.674.200 | 13.664.067.204 |
| Cộng | <u>1.272.978.097.400</u> | <u>1.207.840.992.510</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1b).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1b).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7, V.9, V.11 và VII.1b).

- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, VII.1a và VII.1b).
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa, chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, V.8b, V.11 và VII.1a)
- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp hàng hóa (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn – Phòng giao dịch Lý Thái Tổ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (viii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi của Công ty và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a và VII.1b).
- (ix) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Camimex tại các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------|-----------------|
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 96.989.979.166 | 105.888.515.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽ⁱ⁾ | 96.989.979.166 | 105.807.250.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau | - | 81.265.000 |
| Nợ thuê tài chính | 89.557.552.267 | 40.166.552.535 |
| - Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,6 %/năm, thời hạn 05 năm | 47.151.952.373 | 10.021.396.636 |
| - Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH | 11.734.775.452 | 15.321.367.270 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm</i> | | |
| - Thuê tài chính Công ty cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm | 27.267.544.507 | 14.823.788.629 |
| - Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm | 3.403.279.935 | - |
| Cộng | <u>186.547.531.433</u> | <u>146.055.067.535</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để mua dự án nhà máy Hùng Vương Bến Tre để sản xuất chế biến cá fillet với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 02 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chi phí thuê đất và tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8b và V.12).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Tổng nợ</u> | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Trên 05 năm</u> |
|-----------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 106.051.013.000 | 9.061.033.834 | 70.538.166.672 | 26.451.812.494 |
| Nợ thuê tài chính | 120.521.226.467 | 30.963.674.200 | 89.557.552.267 | - |
| Cộng | <u>226.572.239.467</u> | <u>40.024.708.034</u> | <u>160.095.718.939</u> | <u>26.451.812.494</u> |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 106.213.511.000 | 324.996.000 | 70.619.431.672 | 35.269.083.328 |
| Nợ thuê tài chính | 53.830.619.739 | 13.664.067.204 | 40.166.552.535 | - |
| Cộng | <u>160.044.130.739</u> | <u>13.989.063.204</u> | <u>110.785.984.207</u> | <u>35.269.083.328</u> |

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tiền gốc phải trả | 30.963.674.200 | 89.557.552.267 | 120.521.226.467 |
| Lãi thuê phải trả | 9.169.355.177 | 18.851.862.835 | 28.021.218.012 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | <u>40.133.029.377</u> | <u>108.409.415.102</u> | <u>148.542.444.479</u> |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 13.664.067.204 | 40.166.552.535 | 53.830.619.739 |
| Lãi thuê phải trả | 5.012.590.479 | 9.256.683.168 | 14.269.273.647 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | <u>18.676.657.683</u> | <u>49.423.235.703</u> | <u>68.099.893.386</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------|-------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|-------------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 105.888.515.000 | - | - | (8.898.535.834) | 96.989.979.166 |
| Nợ thuê tài chính | <u>40.166.552.535</u> | <u>96.259.290.223</u> | <u>(23.277.556.857)</u> | <u>(23.590.733.634)</u> | <u>89.557.552.267</u> |
| Cộng | <u>146.055.067.535</u> | <u>96.259.290.223</u> | <u>(23.277.556.857)</u> | <u>(32.489.269.468)</u> | <u>186.547.531.433</u> |

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|------------|--|---------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | <u>880.000.000</u> | <u>880.000.000</u> |
| Số cuối kỳ | <u>880.000.000</u> | <u>880.000.000</u> |

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | <u>724.725.000.000</u> | <u>724.725.000.000</u> |
| Các cổ đông khác | <u>254.274.980.000</u> | <u>220.274.980.000</u> |
| Cộng | <u>978.999.980.000</u> | <u>944.999.980.000</u> |

Trong kỳ, Công ty mẹ đã chào bán 3.400.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMC.23 ngày 24 tháng 5 năm 2023. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 3.400.000. Ngày 15 tháng 5 năm 2024 Công ty mẹ đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 978.999.980.000 VND.

22c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | <u>97.899.998</u> | <u>94.499.998</u> |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | <u>97.899.998</u> | <u>94.499.998</u> |
| - Cổ phiếu phổ thông | <u>97.899.998</u> | <u>94.499.998</u> |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 97.899.998 | 94.499.998 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 97.899.998 | 94.499.998 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 23.292,89 USD (số đầu năm là 54.538,44 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|----------------------------|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 92.101.853.996 | 6.563.201.672 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.078.556.972.988 | 684.527.879.211 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 18.306.591.171 | - |
| Cộng | <u>1.188.965.418.155</u> | <u>691.091.080.883</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | | |
| Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm | 4.365.790.600 | 6.045.040.000 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 414.476.189.304 | 1.416.539.250 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 22.200.050 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Farm | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 250.779.550 | - |
| Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 4.549.608 | - |

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 90.873.197.536 | 5.893.927.200 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 907.172.610.499 | 548.643.583.839 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 25.880.719.227 | - |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (9.716.046.063) | 800.124.969 |
| Cộng | 1.014.210.481.199 | 555.337.636.008 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền không kỳ hạn | 9.931.972 | 8.188.197 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 206.647.665 | 72.800.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 4.550.773.055 | 17.959.867.527 |
| Lãi ứng trước tiền hàng | - | 6.403.929.307 |
| Cộng | 4.767.352.692 | 24.444.785.031 |

5. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 46.817.990.229 | 26.801.783.679 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | - | 363.610.332 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 15.245.194.391 | 13.502.998.971 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 8.523.721.418 | 5.500.115.983 |
| Cộng | 70.586.906.038 | 46.168.508.965 |

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 2.504.789.945 | 3.265.820.482 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 102.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 22.696.176.134 | 16.714.686.208 |
| <i>Chi phí vận chuyển</i> | <i>10.279.510.349</i> | <i>7.849.923.013</i> |
| <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i> | <i>12.416.665.785</i> | <i>8.864.763.195</i> |
| Các chi phí khác | 14.331.308.288 | 13.543.533.966 |
| Cộng | 39.532.274.367 | 33.626.040.656 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 11.840.269.762 | 8.979.601.956 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 877.439.494 | 767.730.251 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.378.403.367 | 4.250.005.735 |
| Thuế, phí và lệ phí | 17.140.000 | 33.570.300 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 506.777.410 | 4.085.451.452 |
| Các chi phí khác | 11.431.188.219 | 15.414.832.083 |
| Cộng | 29.051.218.252 | 33.531.191.777 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 257.621.246 |
| Thu hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường | 1.377.492.288 | - |
| Thu nhập khác | 276.444.852 | 219.883.191 |
| Cộng | 1.653.937.140 | 477.504.437 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 171.750.853 | - |
| Chi phí phạt chậm nộp lãi vay | 98.207.123 | 121.126.758 |
| Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc | 353.621.626 | 36.154.230 |
| Chi phí xử lý công nợ | 420.994.366 | - |
| Chi hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường | 1.854.679.640 | - |
| Chi phí khác | 752.626.739 | 336.229.610 |
| Cộng | 3.651.880.347 | 493.510.598 |

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 31.742.010.723 | 36.888.806.525 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 31.742.010.723 | 36.888.806.525 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 95.378.020 | 63.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 333 | 586 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 94.499.998 | 63.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ | 878.022 | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 95.378.020 | 63.000.000 |

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 397.323.972.037 | 386.949.085.617 |
| Chi phí nhân công | 74.646.959.867 | 57.340.166.041 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 37.365.844.033 | 28.888.433.388 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 41.384.505.121 | 34.486.767.564 |
| Chi phí khác | 30.886.112.070 | 34.262.533.807 |
| Cộng | 581.607.393.128 | 541.926.986.417 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Nhận góp vốn | 34.000.000.000 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 470.000.000 | 46.944.000.000 |
| Trả tiền vay | 190.000.000 | 45.944.000.000 |
| Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Vay tiền không lãi suất | 6.000.000.000 | 3.800.000.000 |
| Trả tiền vay | 15.550.000.000 | - |

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.19 và V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Camimex như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------|---|-----------------------------------|--------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch HĐQT | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 24.000.000 | 141.153.808 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 259.134.700 | 141.150.268 |
| Ông Trần Minh Thiệu | Thành viên HĐQT | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Bùi Đức Dũng | Thành viên HĐQT | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | 235.130.980 | 117.149.788 |
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng ban Ban kiểm soát | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên Ban kiểm soát | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Bà Trần Thị My | Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023) | 12.000.000 | 2.464.516 |
| Bà Đinh Thị Hoa | Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023) | - | 9.335.484 |
| Cộng | | 644.265.680 | 525.253.864 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

| | |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Camimex Organic | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Camimex Farm | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | Công ty có chủ sở hữu có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng | Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn | Công ty có thành viên quản lý chủ chốt là Tổng Giám đốc của Công ty |
| Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish | Công ty có người đại diện theo pháp luật là thành viên Hội đồng quản trị Công ty |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ do công ty đã thay đổi người đại diện theo pháp luật) | Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | | |
| Mua hàng hóa | 21.651.210.000 | 97.570.779.678 |
| Chi phí cung cấp dịch vụ | 4.747.390.572 | 4.240.909.091 |
| Chuyển người mua trả tiền trước sang vay | 95.007.801.600 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 118.067.209.400 | 25.590.000.000 |
| Trả tiền vay | 118.067.209.400 | 25.590.000.000 |
| Ứng trước tiền hàng | - | 38.447.120.568 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 17.145.325.046 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | | |
| Mua hàng hóa | 21.229.568.353 | 77.563.576.855 |
| Chi phí cung cấp dịch vụ | 498.386.264 | 585.228.700 |
| Mua tài sản cố định | 263.568.450 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 2.140.000.000 | 7.180.000.000 |
| Trả tiền vay | 2.140.000.000 | 7.180.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Camimex Farm | | |
| Mua hàng hóa | 9.434.246.564 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 200.000.000.000 | 1.400.000.000 |
| Trả tiền vay | - | 500.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | | |
| Mua hàng hóa | - | 83.796.993.977 |
| Chi phí cung cấp dịch vụ | 116.300.000 | 809.100.000 |
| Vay tiền không lãi suất | 22.500.000.000 | - |
| Trả tiền vay | 22.500.000.000 | - |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | | |
| Chi phí cung cấp dịch vụ | 848.122.600 | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn | | |
| Mua hàng hóa | 6.985.602.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish | | |
| Mua hàng hóa | 18.557.175.112 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ) | | |
| Mua hàng hóa | - | 166.576.474.105 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Camimex Foods dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Logistics dùng tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Group dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.15, V.18, V.19 và V.20a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Nước ngoài | 718.122.313.334 | 666.832.879.550 |
| Trong nước | 470.555.593.096 | 18.975.420.239 |
| Cộng | 1.188.677.906.430 | 685.808.299.789 |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Đơn vị tính: VND | |
|---------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|------|
| | | | | | Cộng | Cộng |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 288.716.064.396 | 335.629.082.208 | 47.236.703.685 | 1.685.913.996 | 673.267.764.285 | |
| Mua trong kỳ | 5.678.068.839 | 5.060.350.925 | 223.343.000 | 260.000.000 | 11.221.762.764 | |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 10.360.043.202 | - | - | - | 10.360.043.202 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.763.952.431) | - | (1.763.952.431) | |
| Giảm khác (*) | - | (40.000.000.000) | - | - | (40.000.000.000) | |
| Số cuối kỳ | 304.754.176.437 | 300.689.433.133 | 45.696.094.254 | 1.945.913.996 | 653.085.617.820 | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 40.656.304.800 | 53.607.614.322 | 9.869.008.337 | 1.306.813.996 | 105.439.741.455 | |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 103.200.579.122 | 166.178.344.995 | 24.393.769.226 | 1.512.200.652 | 295.284.893.995 | |
| Khấu hao trong kỳ | 11.008.173.608 | 12.726.664.878 | 1.887.637.384 | 63.909.996 | 25.686.385.866 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (983.110.669) | - | (983.110.669) | |
| Giảm khác (*) | - | (222.222.222) | - | - | (222.222.222) | |
| Số cuối kỳ | 114.208.752.730 | 178.682.787.651 | 25.298.295.941 | 1.576.110.648 | 319.765.946.970 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 185.515.485.274 | 169.450.737.213 | 22.842.934.459 | 173.713.344 | 377.982.870.290 | |
| Số cuối kỳ | 190.545.423.707 | 122.006.645.482 | 20.397.798.313 | 369.803.348 | 333.319.670.850 | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | |

(*) Giám đốc trả lại tài sản đã mua theo văn bản Công ty Cổ phần Camimex Foods ngày 10 tháng 6 năm 2024.





Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Trần Quốc Phong
Người lập

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|--|----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 840.939.330 | - | 1.116.095.785 | (1.517.742.956) | 439.292.159 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 2.784.339.431 | - | - | - | 2.784.339.431 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.881.387.147 | - | 6.285.654.678 | (2.671.202.991) | 9.495.838.834 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 28.969.597 | 370.021.413 | (260.244.918) | 80.806.898 | - |
| Thuế tài nguyên | 7.528.000 | - | 66.503.200 | (58.758.800) | 15.272.400 | - |
| Các loại thuế khác | 46.174.747 | - | 596.045.350 | (20.000.000) | 622.220.097 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 32.475.137 | - | 13.000.000 | (13.000.000) | 32.475.137 | - |
| Cộng | 6.808.504.361 | 2.813.309.028 | 8.447.320.426 | (4.540.949.665) | 10.685.905.525 | 2.784.339.431 |

Đơn vị tính: VND



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Tăng do chuyển số dư người mua trả tiền trước sang vay | Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--|---------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 837.580.975.931 | 1.364.812.628.083 | - | - | 4.231.826.030 | (1.561.083.040.678) | 645.542.389.366 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 141.492.198.400 | 394.359.209.400 | - | 95.007.801.600 | - | (194.359.209.400) | 436.500.000.000 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 214.778.754.975 | 55.552.000.000 | - | - | - | (119.419.754.975) | 150.911.000.000 |
| Trái phiếu thương mại ngắn hạn | - | - | - | - | - | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 324.996.000 | - | 8.898.535.834 | - | - | (162.498.000) | 9.061.033.834 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 13.664.067.204 | - | 23.590.733.634 | - | - | (6.291.126.638) | 30.963.674.200 |
| Cộng | 1.207.840.992.510 | 1.814.723.837.483 | 32.489.269.468 | 95.007.801.600 | 4.231.826.030 | (1.711.596.420.291) | 1.272.978.097.400 |



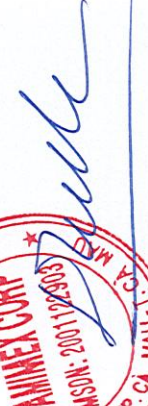
Trần Quốc Phong
 Người lập



Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 28 tháng 8 năm 2024



Đặng Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

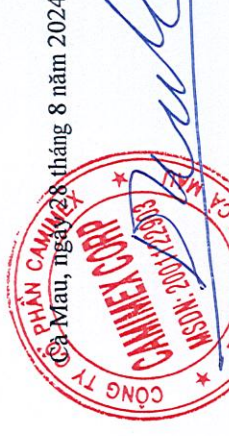
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---|------------------------|----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 317.685.971.164 | 11.594.698.843 | 966.080.670.007 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | 36.888.806.525 | 54.684.785 | 36.943.491.310 |
| Số dư cuối kỳ trước | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 354.574.777.689 | 11.649.383.628 | 1.003.024.161.317 |
| Số dư đầu năm nay | 944.999.980.000 | - | 54.161.778.957 | 11.702.511.351 | 1.010.864.270.308 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong kỳ này | 34.000.000.000 | (128.222.222) | - | - | 33.871.777.778 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 31.742.010.723 | 38.770.658 | 31.780.781.381 |
| Số dư cuối kỳ này | 978.999.980.000 | (128.222.222) | 85.903.789.680 | 11.741.282.009 | 1.076.516.829.467 |



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn